

Số: 2651 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sóc Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5486/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sóc Sơn đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 như sau:

- Đưa ra khỏi danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sóc Sơn: 0 dự án.
- Điều chỉnh danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sóc Sơn đối với 15 dự án với tổng diện tích tăng thêm 108,74 ha (Phụ lục kèm theo).
- Bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sóc Sơn là: 09 dự án, với tổng diện tích 177,62 ha (Phụ lục kèm theo);
- Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2022, cụ thể:
a. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
I	Diện tích đất tự nhiên		30.551,49	

1	Đất nông nghiệp	NNP	18.528,57	60,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.718,16	31,81
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.607,08</i>	<i>31,45</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.400,73	4,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.322,78	10,88
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.486,27	11,41
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	544,73	1,78
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	55,90	0,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.919,46	39,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	976,70	3,20
2.2	Đất an ninh	CAN	42,45	0,14
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	414,47	1,36
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	217,49	0,71
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	202,09	0,66
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	202,46	0,66
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,27	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	91,28	0,30
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5.173,50	16,93
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>3.191,66</i>	<i>10,45</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>644,89</i>	<i>2,11</i>
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>169,06</i>	<i>0,55</i>
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>13,73</i>	<i>0,04</i>
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>164,74</i>	<i>0,54</i>
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>327,52</i>	<i>1,07</i>
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>23,70</i>	<i>0,08</i>
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>6,79</i>	<i>0,02</i>
2.9.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>		
2.9.10	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>4,13</i>	<i>0,01</i>
2.9.11	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>238,98</i>	<i>0,78</i>
2.9.12	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>64,94</i>	<i>0,21</i>
2.9.13	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>316,56</i>	<i>1,04</i>

2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
2.9.16	Đất chợ	DCH	6,72	0,02
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,88	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.112,81	10,19
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	31,83	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,08	0,08
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	28,72	0,09
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	40,40	0,13
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	609,44	1,99
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	712,69	2,33
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	32,67	0,11
3	Đất chưa sử dụng	CSD	103,46	0,34

b. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
I	Diện tích đất tự nhiên		
1	Đất nông nghiệp	NNP	795,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	543,96
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>541,20</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	66,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	150,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	22,21
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,32
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,34
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	242,20
2.1	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	9,15
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	146,30
2.2.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>106,20</i>
2.2.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>30,59</i>
2.2.3	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,71</i>
2.2.4	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>0,26</i>

2.2.5	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8,54
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	73,91
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,19
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,50
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	10,16
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,62

c. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	795,75
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	543,96
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	541,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	66,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	150,64
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	22,21
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	12,32
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,34
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	6,51

5. Điều chỉnh, bổ sung dự án và diện tích ghi tại điểm e Điều 1 Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND Thành phố thành: 148 dự án với diện tích quy hoạch là 1.881,72 ha.

6. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2; 
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: P.TNMT;
- Lưu VT. 

35739 - 7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH 

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông 

(Kèm theo Quyết định số 2651 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Quyết định số 2651 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã	
A	Các dự án nằm trong Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của HĐND Thành phố								
I	Các dự án điều chỉnh								
1	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Mai Nội phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng tuyến đường nối đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp huyện Sóc Sơn	NTD	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,7	1,1	1,7	Huyện Sóc Sơn	Xã Mai Đình	Văn bản số 4735/QHKT-HTKT ngày 21/10/2021 của Sở QHKT về việc tháo gỡ vướng mắc trong công tác GPMB dự án. Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND TP về việc phê duyệt dự án đầu tư. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 của HĐND huyện Sóc Sơn Thời gian thực hiện: 2019-2022
2	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân Cẩm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	DGT	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Sóc Sơn	9,38	6	9,38	Huyện Sóc Sơn	Xã Bắc Phú, Tân Hưng	Nghị quyết số 20/NQ- HĐND ngày 03/11/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, Quyết định số 5324/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND huyện Sóc Sơn phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2022-2025
3	Đường nối tỉnh lộ 131 - Đồng Giá - Hiền Lương (nhánh đi Nam Cường)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Sóc Sơn	1,7	1,2	1,7	Sóc Sơn	Quang Tiến, Hiền Ninh	Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của HĐND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư. Thời gian thực hiện: 2021-2023 Biên bản bàn giao mốc giới ngày 31/12/2021 của Sở TNMT.
4	Cải tạo, nâng cấp đường 35 - Phú Hạ - Thanh Sơn	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Sóc Sơn	3,4	2	3,4	Sóc Sơn	Minh Phú, Minh Trí	Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND huyện Sóc Sơn về phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2021-2023 Biên bản bàn giao mốc giới ngày 29/9/2021 của Sở TNMT.
5	Cải tạo, xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Hồng Kỳ - Đồ Tân	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Sóc Sơn	9,7	6,2	9,7	Sóc Sơn	Hồng Kỳ, Bắc Sơn	Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của HĐND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2021-2025 Biên bản bàn giao mốc giới ngày 11/4/2022 của Sở TNMT

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã	
6	Cải tạo, nâng cấp trục đường Tân Hưng - Bắc Phú - Việt Long đến đê Lương Phúc	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Sóc Sơn	10	8	10	Sóc Sơn	Tân Hưng, Bắc Phú, Việt Long	Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của HĐND huyện Sóc Sơn về phê duyệt dự án đầu tư Thời gian thực hiện: 2021-2024
7	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (từ Km4 + 469 đến km12+733.35)	DGT	Ban QLDA ĐTXD CTGT TP Hà Nội	26,5	1,3	13,5	Sóc Sơn	Nam Sơn, Minh Phú, Hiền Ninh	Quyết định 177/QĐ-UBND ngày 14/1/2022 của UBND TP về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Hết tháng 6/2023,
8	Dự án xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Dục Thượng, xã Tiên Dục, huyện Sóc Sơn	ONT	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sóc Sơn	3,27	3	3,27	Huyện Sóc Sơn	xã Tiên Dục	Văn bản số 84/HĐND-TT ngày 26/6/2018 của HĐND huyện; Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện phê duyệt dự án, Quyết định: số 4826/QĐ-UBND ngày 16/8/2018, số 1763/QĐ-UBND ngày 19/5/2021, số 4226/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 phê duyệt điều chỉnh dự án. Thời gian thực hiện: Năm 2018 – 2022
9	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Thái, xã Hiền Ninh	ONT	TTPTQĐ	0,68	0,68	0,68	Sóc Sơn	Hiền Ninh	Quyết định phê duyệt chủ trương số 3302/QĐ-UBND ngày 22/10/2018, Quyết định phê duyệt đề cương kinh phí CBĐT số 3229/QĐ-UBND ngày 15/10/2018, VB số 2139/UBND-QLĐT ngày 27/9/2019 của huyện Sóc Sơn. Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật; QĐ 4762/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện về việc điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật. Thời gian thực hiện: 2019-2022
10	Xây dựng HTKT chỉnh trang, phát triển khu dân cư tại thôn Tân Trung Chùa, xã Hiền Ninh	ONT	TTPTQĐ	1,94	1,94	1,94	Sóc Sơn	Hiền Ninh	Quyết định phê duyệt chủ trương số 3302/QĐ-UBND ngày 22/10/2018, Quyết định phê duyệt đề cương kinh phí CBĐT số 3485/QĐ-UBND ngày 30/10/2018, VB số 2138/UBND-QLĐT ngày 27/9/2019 của huyện Sóc Sơn QĐ 3892/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án. Thời gian thực hiện: 2020-2022

[illegible]

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã	
16	Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	SKK	Công ty cổ phần tập đoàn ĐDK	296,65		296,65	Sóc Sơn	Tân Dân Minh Trí	Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 03/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng HTKT KCN sạch Sóc Sơn; Văn bản số 952/STNMT-QHKHSĐĐ ngày 16/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xác định ranh giới khu đất phục vụ công tác GPMB thực hiện Dự án
17	Chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn, ao liền kề (cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản) trong cùng thửa đất ở sang đất ở	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	26,31			Sóc Sơn	các xã, thị trấn	Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo)
18	Chuyển mục đích sử dụng đất từ vườn, ao xen kẹt trong khu dân cư (không phải là đất công, đất nông nghiệp được giao nằm xen kẹt trong khu dân cư theo khoản 3 Điều 17 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố)	ONT	Hộ gia đình, cá nhân	19,7			Sóc Sơn	các xã	Đơn xin chuyển mục đích; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo)
19	Cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp công ích, nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND xã	NNP	UBND huyện, UBND xã	59,33			Sóc Sơn	13 xã	Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố ban hành quy định đấu giá QSD đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.
II	Các dự án đăng ký bổ sung mới thực hiện trong năm 2022								
20	Tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	DGT	Trung tâm PTQĐ huyện Sóc Sơn	55,5			Sóc Sơn	Tân Dân Thanh Xuân	Văn bản số 389/UBND-ĐT ngày 11/02/2022 của UBND Thành phố; Thông báo số 274/TB-CP ngày 17/6/2022 của Văn phòng UBND Thành phố
21	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm thương mại tổng hợp Nội Bài	TMD	Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai 2013	12,30			Sóc Sơn	Mai Đình	Căn cứ Điều 73 Luật Đất đai 2013, Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 và Thông Tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Danh mục công trình dự án	Mục đích sử dụng đất (Mã loại đất)	Đơn vị, tổ chức đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Vị trí		Căn cứ pháp lý
					Đất trồng lúa	Thu hồi đất	Địa danh huyện	Địa danh xã	
22	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel công nghệ hiện đại	SKC	Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai 2013	2,42			Sóc Sơn	Bắc Phú	Căn cứ Điều 73 Luật Đất đai 2013, Các Nghị định hướng dẫn Luật Đất đai 2013 và Thông Tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
23	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Khu nhà ở để bán cho cán bộ chiến sỹ Tổng cục Chính trị Công an nhân dân - Bộ Công an	ONT	Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai 2013	4,79			Sóc Sơn	Mai Đình, Tiên Dược	Căn cứ Điều 73 Luật Đất đai 2013, Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 và Thông Tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Văn bản số 7333/UBND-XDGT ngày 15/10/2015 của UBND Thành phố về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Văn bản số 7536/STNMT-QHKHSDĐ ngày 04/8/2016 của Sở TN&MT về việc hướng dẫn xác định ranh giới phục vụ công tác bồi thường GPMB dự án.
24	Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Trung tâm thương mại và dịch vụ văn phòng	TMD	Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai 2013	0,46			Sóc Sơn	Tiên Dược	Căn cứ Điều 73 Luật Đất đai 2013, Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 và Thông Tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Tổng				477,46					

